

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí

2. Ông Huỳnh Văn Dứt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 1017, A03, xã TK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Y, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Y do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào khoảng năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/6/2016. Sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng đi làm tại tỉnh Bình Dương mà không có sống bên Anh L hay

bên chị Y. Vợ chồng sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cuộc sống thì chị Y quyết định mọi chuyện mà không có bàn bạc với Anh L nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi. Đôi lúc do nóng giận trong lúc cự cãi nên vợ chồng cũng có đánh nhau, đập phá tài sản, khi cự cãi thì chị Y thường bỏ đi, bỏ mặc cho chồng con. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 6/2019, lý do phát sinh mâu thuẫn là do Anh L là người đi làm kiếm thu nhập nuôi gia đình nhưng khi Anh L đau bệnh thì chị Y không quan tâm, chăm sóc nên vợ chồng tiếp tục phát sinh cự cãi và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì bản thân Anh L và chị Y cũng như gia đình hai bên không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh L và chị Y. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Anh L yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh L và chị Y có 03 con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng, sinh ngày 08/10/2013, Nguyễn Thị Phi Nh, sinh ngày 06/5/2015 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 12/6/2020. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh đang sống với Anh L; con chung Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn Ngọc Đ đang sống với chị Lê Thị Y. Khi ly hôn, Anh L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh, sinh ngày 06/5/2015; Anh L đồng ý để chị Lê Thị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng, sinh ngày 08/10/2013 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 12/6/2020. Anh L và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Y vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Anh L và chị Y do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng, Nguyễn Thị Phi Nh và Nguyễn Ngọc Đ. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trước khi kết hôn với Anh L thì chị Y đã có chồng nhưng không cho Anh L biết, chị Y thường quyết định các vấn đề của gia đình mà không có bàn bạc với Anh L, vợ chồng thường xảy ra cự cãi về mặt tiền bạc. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do Anh L là lao động chính trong gia đình nhưng khi Anh L bệnh nhưng chị Y không quan tâm chăm sóc nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình 02 bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh L và chị Y; bản thân Anh L và chị Y không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Anh L yêu cầu được ly hôn với chị Y. Về con chung, Anh L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh do cháu Nhung đang sống với Anh L; Anh L đồng ý cho chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn

Ngọc Đ, do cháu Ng và cháu Đ đang sống với chị Y; Anh L và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Y vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L. Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Lê Thị Y. Về con chung, anh Nguyễn Thanh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh; chị Lê Thị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn Ngọc Đ. Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chị Lê Thị Y cư trú tại Ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang và Biên bản xác minh ngày 22/8/2022, chị Lê Thị Y vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng thường vắng mặt tại địa phương; khi đi, chị Y không có trình báo chính quyền địa phương nên nơi cư trú hiện nay của chị Y thì địa phương không xác định được. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Lê Thị Y là Ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Nguyễn Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Lê Thị Y và yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Lê Thị Y có nơi cư trú tại Ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Y theo quy định của pháp luật nhưng chị Lê Thị Y vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, chị Lê Thị Y đã được triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần để tham gia phiên

tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Y.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thanh L cho rằng, Anh L và chị Y do tự tìm hiểu nên tiến đến chung sống như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/6/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm; trong cuộc thường ngày, chị Y thường quyết định các vấn đề phát sinh trong gia đình mà không bàn bạc với Anh L, chị Y không quan tâm đến chồng, con; vợ chồng thường xảy ra cự cãi về mặt tiền bạc. Mâu thuẫn phát sinh gay gắt từ tháng 6/2019 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, Anh L và chị Y không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên cũng không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh L và chị Y.

Xét thấy, anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Lê Thị Y đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, thể hiện chị Lê Thị Y không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Anh L và chị Y. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh L và chị Y theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được nên lời trình bày của Anh L về tình trạng hôn nhân giữa Anh L và chị Y là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa Anh L và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc Anh L yêu cầu ly hôn chị Y phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Anh Nguyễn Thanh L xác định vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng, sinh ngày 08/10/2013, Nguyễn Thị Phi Nh, sinh ngày 06/5/2015 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 12/6/2020. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh đang sống với Anh L; con chung Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn Ngọc Đ đang sống với chị Lê Thị Y. Khi ly hôn, Anh L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh do cháu Nhung đang sống với Anh L; Anh L đồng ý cho chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn Ngọc Đ do cháu Ng và cháu Đ hiện nay đang sống với chị Y.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Nhung sinh sống với Anh L và cháu Ng, cháu Đ sinh sống với chị Y nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với Anh L và chị Y, các cháu Nhung, Nguyên và Đậm đều được đi học và phát triển bình thường. Cháu Nhung cũng có nguyện vọng được sống với Anh L; đối với cháu Ng, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Ng theo quy định của pháp luật nhưng do chị Y và cháu Ng thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Ng. Để ổn định cuộc sống cho cháu Nhung, cháu Ng và cháu Đ, giúp các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh của Anh L và việc Anh L đồng ý để chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng và Nguyễn Ngọc Đ khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y đều là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên Anh L và chị Y đều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với con chung không do mình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh Nguyễn Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Lê Thị Y vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Lê Thị Y.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/2016, ngày 14/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp cho anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Anh Nguyễn Thanh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phi Nh, sinh ngày 06/5/2015. Hiện nay đang sống với anh Nguyễn Thanh L.

Chị Lê Thị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Ng, sinh ngày 08/10/2013 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 12/6/2020. Hiện nay đang sống với chị Lê Thị Y.

Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0004711 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Kiề, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang